

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/01/2018

" Về việc ly hôn, tranh chấp về con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Lù Thị Chính và bà Hoàng Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên – Thư ký tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Minh Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81 /2017/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Diệp A; SN: 1980, Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vương Hữu Q; SN: 1981 Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn là chị Hà Diệp A trình bày như sau:

Chị và anh Vương Hữu Q có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 11 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Sau khi đăng ký kết hôn, chị A và anh Q chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Q ở thôn P, xã B huyện Hoàng Su Phì được khoảng 4 tháng thì chị A được đi làm ở trạm y tế xã V huyện Bắc Quang. Sau đó một năm thì chị được chuyển vào làm ở Trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình huyện Quang Bình làm cho đến nay. Từ khi chị đi làm ở Bắc Quang thì anh Q cũng cùng đi và thỉnh thoảng có đi làm một số việc như phụ xây để có tiền chi tiêu cho cuộc sống. Sau thời gian chung sống hạnh phúc khoảng hai năm thì vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do anh Q lười lao động và hay đi chơi với bạn bè, thường xuyên tụ tập bạn bè về nhà uống rượu rồi ghen tuông vô cớ. Chị có nhắc nhở, góp ý

nhưng anh Q không thay đổi mà ngược lại còn đánh chị nhiều lần, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, bất đồng ngày càng nhiều hơn. Vì không có sự hòa thuận dẫn đến không thể bàn bạc làm ăn, anh Q không chịu lao động, cả nhà chỉ dựa vào thu nhập bằng tiền lương của chị, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng được anh em và đồng nghiệp hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng vẫn bất đồng với nhau kéo dài suốt hơn hai năm thì anh Q bỏ đi đâu, làm gì không nói cho chị biết. Sau này chị có tìm hiểu và được biết anh Q có trở về quê tại xã B, huyện Hoàng Su Phì là nơi cư trú cuối cùng rồi mới bỏ đi. Từ năm 2014 đến nay cũng không ai biết là anh Q đi đâu, chị đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích và Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã ra quyết định tuyên bố mất tích đối với anh Vương Hữu Q vào ngày 29/9/2017.

Chị nhận thấy khi còn chung sống thì cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, sau đó anh Q tự bỏ đi nhiều năm, trách nhiệm và tình nghĩa vợ chồng không còn, vì vậy đề nghị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung tên là Hà Xuân D; sinh ngày: 28/7/2009. Khi sinh con đến nay anh Q không quan tâm, chăm sóc. Hiện nay cháu đã 9 tuổi chị đang trực tiếp nuôi cháu. Hiện tại chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chưa tạo dựng được tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện: xét thấy anh Q và chị A có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hoàng Su Phì. Sau thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh Q đã bị tuyên bố mất tích, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Diệp A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vương Hữu Q và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung: Căn cứ tài liệu là các lời khai của của nguyên đơn là chị Hà Diệp A thấy rằng:

Chị Hà Diệp A kết hôn với anh Vương Hữu Q ngày 22/11/2008, có được UBND xã B, huyện Hoàng Su Phì tổ chức và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và có xảy ra mâu thuẫn

đến tháng 6/2014 thì anh Q đã bỏ đi đâu, làm gì cũng không nói cho chị biết, hiện nay không rõ tung tích ở đâu, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không còn quan tâm đến nhau. Tháng 4/2017 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Q mất tích, ngày 29/9/2017 Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phi đã tuyên bố anh Vương Hữu Q mất tích và từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đến nay anh Q cùng không trở về. Từ lý do đó ngày 02/11/2017 chị có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Vương Hữu Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi kết hôn vào năm 2008 chị Hà Diệp A và anh Vương Hữu Q có thời gian chung sống cùng nhau, tuy nhiên sau đó đã phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về bất đồng quan điểm sống không thể khắc phục được ,từ năm 2014 anh Q đã bỏ đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho chị Hà Diệp A biết. Đã hơn 3 năm nay anh Q không còn liên lạc, không còn trách nhiệm, quan tâm, chăm sóc đến chị và con. Tại thời điểm này thấy rằng tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, anh Q đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Do đó, chị A yêu cầu ly hôn là có cơ sở và cần được chấp nhận.

Về con chung: Hiện nay cháu Hà Xuân D có nguyện vọng được ở cùng với chị Hà Diệp A. Do anh Q đã bỏ đi, hiện không có nơi cư trú rõ ràng và cũng không quan tâm, chăm sóc đến cháu D suốt thời gian hơn ba năm. Trong suốt thời gian này, chị A đã chăm lo cho cháu D. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để giao cháu D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ khoản 2 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị Hà Diệp A, cho chị Hà Diệp A được ly hôn với anh Vương Hữu Q.

- Về người nuôi con: Giao cháu Hà Xuân D; sinh ngày: 28/7/2009 cho chị Hà Diệp A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh Q không phải cấp dưỡng và có quyền thăm non con không được ai cản trở (Nếu anh Q có quay trở về).

- Về án phí : Chị Hà Diệp A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì theo biên lai số 04048, ngày 02 tháng 11 năm 2017. Xác nhận chị Hà Diệp A đã nộp đủ.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi bị đơn cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân